TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2019.
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG- TỈNH THÁI BÌNH.

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Bùi Tiến Hưng.

-*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Đình Cự và bà Nguyễn Thị Là.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Bùi Thuận Yến – Thư kí Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên toà:* Bà Vũ Thị Huế -Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:14A/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/02/2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXX-ST ngày 10/9/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn N Châu, xã Hải C, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

(Chị N có đơn xin giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Bá C, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Văn Thụ, xã H, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị N và bị đơn anh C đều trình bày:

Chị N và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, khi cưới có đăng kí kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Đông Hưng, Thái Bình ngày 06/6/2014 .

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2018 và các lời khai tại Toà án, Nguyên đơn chị N trình bày:

Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C hay cờ bạc, hay đánh vợ mà không có lí do. Do không chịu được chị N đã

bỏ về nhà mẹ đẻ (ở tỉnh Thanh Hóa) từ tháng 6/2018 đến nay. Từ khi chị đi đến nay anh C có gọi điện cho chị nhưng chỉ gọi điện để chửi chị chứ không có lần nào anh C gọi điện để gọi chị về để vợ chồng đoàn tụ.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được li hôn anh C.

+ Bị đơn anh C trình bày:

Nguyên nhân mâu thuẫn là do từ khi chị N đi làm Công ty may mặc nên chị N có biểu hiện quan hệ ngoại tình, từ đó chị về nhà không quan tâm đến chồng, con. Anh có hỏi thì chị N chỉ cằn nhằn, anh không đánh đập chửi bới chị N.

Đến tháng 6/2018 chị N tự ý bỏ về quê ở tỉnh Thanh Hóa để sinh sống cho đến nay. Từ khi chị N về Thanh Hóa anh C có vào Thanh Hóa hai lần nhưng đều không gặp được chị N. Anh có gọi điện gọi chị N để chị N về nhưng chị N trả lời: Không bao giờ quay lại với tôi (anh C) nữa. Anh C không đồng ý li hôn.

Tại phiên toà anh xác định chị N bỏ đi đã lâu. Nay chị N cố tình li hôn anh cũng đành chấp nhận theo nguyện vọng của chị N.

+ Về con chung:

Chị N, anh C có 02 con chung là: Nguyễn Bá Hoàng A, sinh ngày 30/10/2004 và Nguyễn Bá Hoàng H, sinh ngày 12/5/2011. Từ khi chị N bỏ đi hai con chung ở với anh C. Cháu Avà cháu Hđều xin được ở với bố. Nếu li hôn anh C xin nuôi cả hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh C làm thợ đúc bê tông thu nhập mỗi tháng từ 10 đến 15 triệu đồng/ tháng.

Còn chị N lúc đầu chị cũng xin được nuôi con một con và nếu được nuôi con hai bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nhưng sau đó chị N lại thấy hoàn C không có điều kiện nên chị không xin được nuôi con nữa mà nhất trí để anh C nuôi cả hai con chung.

Về tài sản, công sức: Chị N và anh C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng có quan điểm:

Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chị N xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết việc li hôn. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị giải quyết vắng mặt chị N theo quy định.

Về nội dung:

Chị N và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, khi cưới có đăng kí kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng chị N, anh C đã lâu, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin li hôn của chị N .

Về con chung: Hai con chung đã ở với anh C từ khi chị N bỏ đi, nay chị N cũng đồng ý để anh C nuôi hai con chung. Anh C có nguyện vọng nuôi hai con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Do đó đề nghị chấp nhận nguyện vọng của anh C.

Về tài sản, công sức: Chị N và anh C không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I/ Về tố tụng:

- Chị N có đơn xin được giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

- Về Người tham gia tố tụng:

Trong quá trình chung sống chị N anh C khai có nợ của:

1- Ông Nguyễn Bá Qu, sinh năm 1954.

2-Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1954

Đều trú tại : Thôn Văn Thụ, xã H, huyện Đông Hưng, tinht Thái Bình.

2-Anh Vũ Sinh Qu, sinh năm 1967

Trú tại : Thôn Tứ, xã H, huyện Đông Hưng, tinht Thái Bình.

1- Anh Nguyễn Khắc Đ , sinh năm 1984.

Trú tại : Thôn Đoàn Kết, xã H, huyện Đông Hưng, tinht Thái Bình.

2- Chị Lê Thị Th, sinh năm 1981.

Trú tại: Phòng bảo mật, Trường quân chính, quan khu thủ đô, thuộc xã Xuân Sơn , thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Nhưng toàn bộ những người nêu trên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên họ không tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi liên quan trong vụ án.

6 - Đối với khoản nợ của chị Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983. Nguyên quán :Thôn Văn Thụ, xã H, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Hiện đã xuất C ngày 21/11/2017 chưa có thông tin nhập C (Theo anh C khai chị Th đi lao động tại Đài Loan, anh C không cung cấp được địa chỉ). Theo anh C khai khoản tiền của chị Th do chị Th gửi về cho bố anh là ông Nguyễn Bá Qu, sinh năm 1954. Trú tại : Thôn Văn Thụ, xã H, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Ông Qu khai: Số tiền chị Th gửi về

cho ông mà anh C vay. Khoản tiền này chị Th đã cho ông nên thuộc quyền sở hữu của ông Qu. Nay chị N anh C li hôn ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó chị Th và ông Qu không tham gia tố tụng với tư cách là người có Quyền lợi liên quan trong vụ án.

II/ Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, khi cưới có đăng kí kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng: Qua xác minh thì từ khi chị N đi làm cho xí nghiệp may, chị hay vắng nhà để đi công tác. Dư luận từ những người công nhân cùng xí nghiệp cho rằng chị N có biểu hiện không chung thủy với chồng. Từ đó khi về nhà anh C cũng tỏ ý nghi ngờ. Nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Chị N không quan tâm đến chồng con. Đến tháng 6/2018 thì chị N đã bỏ về quê tỉnh Thanh Hóa ở cho đến nay không quan tâm gì đến con và chồng.

Xét mâu thuẫn vợ chồng chị N, anh C đã lâu, đến nay hai bên không có biện pháp khắc phục. Do đó, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin li hôn của chị N .

[2] Về con chung:

Lúc đầu chị N cũng xin được nuôi con và nếu được nuôi một con thì hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Nhưng sau đó chị N lại thấy hoàn C không có điều kiện nên chị không xin được nuôi con nữa mà để anh C nuôi cả hai con chung. Anh C có nguyện vọng xin được nuôi hai con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét về điều kiện nuôi con : Anh C đã nuôi con khi chị N bỏ đi. Qua xác minh anh C được gia đình hỗ trợ nên việc học và cuộc sống của Cháu Avà cháu Hvẫn đảm bảo. Do đó cần giao hai con chung cho anh C nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh C: Không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản, công sức:

Chị N và anh C không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000đ.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53 Khoản 1 Điều 56, Điều 81;82;83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Lê Thị N được li hôn anh Nguyễn Bá C.

[2] Về quan hệ con chung:

Xử giao hai con chung là: Nguyễn Bá Hoàng A, sinh ngày 30/10/2004 và Nguyễn Bá Hoàng H, sinh ngày 12/5/2011 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh C: Không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N có quyền đi lại chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[3] Về quan hệ tài sản, công sức:

Chị N và anh C không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

[4] Về án phí:

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ, chị N đã nộp tạm ứng án phí, biên lai thu số 0007664 ngày 02/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành khoản thi hành án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày. Đối với đương sự có mặt tại phiên toà tình từ ngày tuyên án sơ thẩm, đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà tính từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự .*
- *VKSND, THA h: Đông Hưng.*
- *Lưu HS-VP*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Tiến Hưng